

Kinh tế Việt Nam năm 2009: động thái, phản ứng chính sách và kết quả

LÝ HOÀNG MAI
PHẠM SỸ AN

Bài viết đánh giá những yếu kém của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2009, phân tích các giải pháp ứng phó nhanh và quyết liệt của Chính phủ, các cấp chính quyền và doanh nghiệp. Một số dự đoán cho năm 2010 được nêu với tính chất cảnh báo: nguy cơ lạm phát, thâm hụt cán cân ngoại thương, hệ số ICOR cao...

Sau đỉnh cao của năm 2007, nền kinh tế bước vào giai đoạn thu hẹp do lạm phát dâng cao vào năm 2008 và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vào năm 2009. Trong năm 2008, Chính phủ đã phải hai lần điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng GDP, từ 8-8,5% xuống 7% và hạ tiếp còn 6-6,5%. Tuy nhiên, tính chung cả năm 2008, GDP chỉ tăng 6,18%.

Bước sang năm 2009 nền kinh tế tiếp tục bị lún sâu vào các khó khăn trong những tháng đầu năm. Cộng hưởng của hai yếu tố: bất ổn kinh tế vĩ mô và tác động xấu của khủng hoảng đã làm cho nhiều chỉ tiêu kinh tế của Việt Nam tụt dốc trong quý I và quý II năm 2009. Những mảng mấu chốt bắt đầu xuất hiện trong bức tranh toàn cảnh kinh tế 6 tháng đầu năm 2009.

1. Nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm: tụt dốc các chỉ tiêu kinh tế

GDP trong quý I năm 2009 chỉ tăng 3,1%, bằng 41% tốc độ tăng của quý I/2008 và là quý có tốc độ tăng thấp nhất trong những năm gần đây¹. Tính chung 6 tháng đầu năm 2009, GDP tăng 3,9% giảm so với mức 6,5%² của 6 tháng đầu năm 2008, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,25%, giảm so với mức 3,04% của cùng kỳ năm trước. Khu vực công nghiệp và xây dựng chỉ đạt 3,48%, giảm so với mức 7% năm 2008; khu vực dịch vụ đạt 5,5%, giảm so với mức

7,6% năm 2008³. Hai động lực chính của tăng trưởng kinh tế Việt Nam là xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm 2009, là nguyên nhân chính kéo tốc độ tăng trưởng của Việt Nam đi xuống.

Khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động thương mại của Việt Nam. Suy thoái kinh tế khiến cho những thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như: Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc bị thu hẹp đáng kể. Trong 6 tháng đầu năm 2009, thị trường Nhật Bản giảm mạnh ở mức 40%; EU giảm 16%; Hàn Quốc giảm 11%; Trung Quốc giảm 9%. Thị trường xuất khẩu thu hẹp, giá các mặt hàng xuất khẩu giảm khiến cho tốc độ xuất khẩu bị âm so với thời gian trước. Trong 6 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu chỉ đạt 27,6 tỷ USD, giảm 10,1% so với cùng kỳ 2008 (29,7 tỷ USD)⁴. Hầu hết các mặt hàng

Lý Hoàng Mai, ThS.; Phạm Sỹ An, ThS. - Viện Kinh tế Việt Nam.

1. Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2009 - Tổng cục Thống kê- <http://www.gso.gov.vn/>.

2. Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2008, các giải pháp chủ yếu trong 6 tháng cuối năm- Số 4652/BC-BKH- trang Web của Chính phủ (<http://www.chinhphu.vn>).

3. Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng ..., đã dẫn.

4. Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng ..., đã dẫn.

xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều rơi vào tình trạng rớt giá. Điển hình cho rủi ro này là nhóm hàng nông, lâm, thủy sản và khoáng sản. Cụ thể, giá xuất khẩu dầu thô giảm 53%, cao su giảm 44%, cà phê giảm 28,3%, gạo giảm 21,6%. Kim ngạch xuất khẩu của 8 mặt hàng chủ lực (dầu thô, than đá, gạo, cà phê, hạt điều, cao su, chè, hạt tiêu) cũng theo đà đi xuống trong 6 tháng đầu năm. Kim ngạch xuất khẩu của 8 mặt hàng này trong 6 tháng chỉ đạt 7,7 tỷ USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước.

Không những thế, khu vực FDI - khu vực chiếm kim ngạch xuất khẩu lớn nhất cũng bị giảm hơn 1/3 kim ngạch so với cùng kỳ. Xuất khẩu của khu vực FDI (kể cả dầu khí) trong 6 tháng đầu năm chỉ đạt 13,6 tỷ USD, bằng 81% so với cùng kỳ và chiếm 49,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Cũng giống như xuất khẩu, các dòng FDI cũng không còn tăng cao như những năm trước. Khủng hoảng tài chính toàn cầu đã khiến cho các nhà đầu tư nước ngoài không còn háo hức đầu tư vào Việt Nam. Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm cho đến ngày 19-6-2009 chỉ đạt 8,9 tỷ USD, giảm 77,4% so với cùng kỳ năm 2008. Bao gồm: vốn đăng ký đạt 4,7 tỷ USD (giảm 86,7% về vốn và giảm 65,6% về số dự án). Vốn thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2009 đạt khoảng 4 tỷ USD, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm 2008 (4,9 tỷ USD)⁵.

Nguyên nhân các dòng FDI giảm đáng kể thời gian này là do sự suy thoái của kinh tế thế giới. Những nước đầu tư lớn trên thế giới như Pháp, Đức, Nhật Bản, Mỹ đã cắt giảm mạnh nguồn vốn FDI đầu tư ra nước ngoài, do kinh tế các nước này bị lún sâu vào khủng hoảng. Mặt khác, khủng hoảng tài chính toàn cầu đã gây ảnh hưởng xấu đến kế hoạch đầu tư của các công ty đa quốc gia (TNC). Các TNC buộc phải giảm các chi phí FDI do gặp khó khăn về tài chính. Việt Nam cũng không nằm trong trường hợp ngoại lệ khi bị các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn hoặc hoãn các kế hoạch đầu tư.

Tuy đã kiềm chế được lạm phát từ mức 28,32% vào tháng 8-2008, xuống mức trung bình cả năm là 22,97%, nhưng lạm phát vẫn là một lo tiềm ẩn của kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2009.

Trong 6 tháng đầu năm 2009, giá của hầu hết các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đều tăng, trong đó hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,5% (lương thực tăng 0,59%; thực phẩm tăng 2,2%; ăn uống ngoài gia đình tăng 5,65%). So với giá bình quân 6 tháng đầu năm 2008, chỉ số giá tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2009 tăng 10,27%. Giá vàng có biến động lớn. Giá vàng trong tháng 6 đã tăng 24,45% so với tháng 12-2008 và tính chung trong 6 tháng đầu năm tăng 8,29% so với cùng kỳ. Giá đôla Mỹ tháng 6-2009 tăng 5,33% so với tháng 12-2008 và 6 tháng đầu năm tăng 9,62% so với 6 tháng đầu năm 2008⁶.

Song hành với nhiều chỉ tiêu kinh tế tụt dốc là tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng tăng cao. Trong quý I/2009, dựa vào số liệu khảo sát 48 tỉnh, thành phố đã có 1.264 doanh nghiệp đang gặp khó khăn với số lượng lao động mất việc lên đến 64.897 người - chiếm 10% lao động đang làm việc. Suy thoái kinh tế toàn cầu cũng làm cho nhiều lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài bị mất việc. Có khoảng 10.000 lao động mất việc đã phải về nước. Trong năm 2009 có khoảng 300.000 người mất việc làm.

Ngành dệt may, da giày, chế biến thủy hải sản, xây dựng, công nghiệp ô tô, điện tử là những khu vực có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất, do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Và số này nằm chủ yếu ở các vùng kinh tế trọng điểm, trong đó TPHCM đứng đầu danh sách về số lao động mất việc với con số là 15.548 người; Hà Nội 13.245 người; Bình Dương 8.002 người. Đồng Nai 5.460 người⁷.

5. Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng ..., đã dẫn.

6. Tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2009 - Cổng thông tin điện tử của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (<http://www.chinhphu.vn>).

7. Xu hướng mất việc làm diễn biến phức tạp - Báo Lao động điện tử - Laodong.com.vn - 22-1-2009.

Theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê, năm 2009 cả nước có 1,3 triệu lao động trong độ tuổi thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp là 2,9% (tăng thêm 0,52% so với mức 2,38% của năm 2008) và khu vực nông thôn là 2,25%, cao hơn mức 1,53% của năm trước⁸. Suy giảm kinh tế toàn cầu đã làm gia tăng tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam khi nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu và khu vực FDI. Dân số trong độ tuổi lao động trên cả nước là 55 triệu người, trong khi mỗi năm lại có thêm hơn 1 triệu lao động mới. Vì vậy tạo thêm nhiều việc làm mới cũng là một áp lực đối với Chính phủ trong bối cảnh suy thoái kinh tế.

2. Giải pháp ứng phó của Chính phủ: tốc độ nhanh, phản ứng quyết liệt

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái, kinh tế trong nước đối mặt với nhiều khó khăn từ tháng 11-2008, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 23/2008/QH 12 về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2009 với mục tiêu tổng quát là:

"Tiếp tục kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững, chủ động ngăn ngừa suy giảm, bảo đảm an sinh xã hội; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động và hiệu quả; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội; tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2006-2010"⁹.

Bước sang quý I năm 2009, trước những tác động xấu ngày càng rõ nét của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tới các chỉ tiêu kinh tế như: GDP, thương mại, FDI, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 32/2009/NQ-QH12 (19-6-2009) điều chỉnh mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2009.

Nghị quyết 32, điều chỉnh giảm chỉ tiêu GDP năm 2009 xuống 5% so với mục dự kiến ban đầu là 6,5%. Chỉ số tăng giá tiêu dùng từ mức dưới 15% xuống mức dưới 10%.

Chỉ tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu giảm nhiều nhất từ 13% xuống 3%, mức bội chi ngân sách nhà nước tăng lên từ hơn 4,5% tăng lên không quá 7% GDP¹⁰.

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ cũng đã kịp thời ban hành Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Trong Nghị quyết 30, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện ba nhóm giải pháp chính như sau:

Thứ nhất, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu; *thứ hai*, thực hiện các biện pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng; *thứ ba*, chính sách tài chính và tiền tệ.

Cùng với việc ban hành Nghị quyết 30 vào tháng 12-2008, đầu tháng 1-2009, Chính phủ lại tiếp tục ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu, chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009. Nghị quyết đã đưa ra 6 nhóm giải pháp chung chỉ đạo việc điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2009. Các giải pháp về kinh tế nhấn mạnh theo 2 hướng: *một là*, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, ngăn chặn suy giảm kinh tế; *hai là*, ổn định kinh tế vĩ mô, ngăn ngừa lạm phát. Có thể nói trước thực trạng khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế trong nước, những phản ứng chính sách của Chính phủ là tương đối quyết liệt, linh hoạt và kịp thời.

Hai công cụ điều hành kinh tế chủ yếu để thực hiện các giải pháp nhằm ổn định kinh

8. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 - Tổng cục Thống kê - <http://www.gso.gov.vn/>.

9. Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản pháp luật - http://vbqppl.moj.gov.vn/law/vi/2001_to_2010/.

10. Công thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam- <http://www.na.gov.vn/>.

tế vĩ mô được Chính phủ thực hiện là: chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ nói lỏng.

Đối với chính sách tiền tệ nói lỏng: chuyển hướng chính sách tiền tệ từ “thắt chặt linh hoạt” sang “nói lỏng cẩn trọng”. Duy trì các loại lãi suất ở mức thấp, lãi suất cơ bản là 7%. Trong năm 2009 Chính phủ đã thực hiện 6 lần cắt giảm lãi suất cơ bản từ 14% xuống 7%.

Cùng với việc hạ lãi suất cơ bản, tỷ lệ dự trữ bắt buộc cũng giảm từ mức 10% xuống 5%. Thêm vào đó biên độ tỷ giá giữa USD/VND nói rộng lên ở mức +/- 5% vào tháng 3-2009. Tăng nguồn cung tiền, thúc các ngân hàng đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng¹¹.

Đối với chính sách tài khóa mở rộng: Chính phủ thực hiện gói kích cầu với cấu phần thứ nhất của gói tập trung vào hỗ trợ lãi suất. Trị giá của cấu phần này là 18.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 1 tỷ USD được thông qua vào tháng 1 - 2009. Cấu phần này nhanh chóng được giải ngân để hỗ trợ 4% lãi suất vay ngân hàng thương mại cho các khoản vay ngắn hạn dưới 1 năm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng, sử dụng không quá 300 công nhân.

Cấu phần tiếp theo của gói được thực hiện từ ngày 1-5-2009, nhằm hỗ trợ lãi suất trung và dài hạn cho các doanh nghiệp. Tổng gói kích cầu mà Chính phủ triển khai trị giá 143.000 tỷ đồng tương đương 8 tỷ USD. Gói cầu được phân bổ cho 8 chương trình được triển khai thực hiện, trong đó có một số chương trình quan trọng như: hỗ trợ vay vốn lãi suất tín dụng (17.000 tỷ đồng), giảm thuế (28.000 tỷ đồng), tăng thêm dự nợ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp (17.000 tỷ đồng), phát hành trái phiếu chính phủ (20.000 tỷ).

Với quy mô lớn và phạm vi điều chỉnh rộng, gói kích cầu đã thể hiện quyết tâm và nỗ lực của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua những thách thức.

Việc thông qua gói kích cầu đã thể hiện những nỗ lực ứng phó kịp thời của Chính phủ trước những khó khăn của nền kinh tế. Hiệu ứng tâm lý của gói kích cầu là tương đối tích cực, làm tăng tức thời lòng tin của các doanh nghiệp, các ngân hàng và nhà đầu tư trong nước và quốc tế vào trách nhiệm của Nhà nước trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp đang gặp khó khăn, cũng như tin vào triển vọng thị trường và môi trường đầu tư trong nước.

Đối với các doanh nghiệp, gói kích cầu đã trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn ngân hàng với chi phí rẻ hơn, từ đó giảm bớt chi phí kinh doanh, góp phần giảm bớt "gánh nặng" cho các doanh nghiệp trong bối cảnh suy thoái kinh tế. Nhiều doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ kịp thời của gói kích cầu đã có thể trụ vững và mở rộng sản xuất kinh doanh, hạn chế việc sa thải nhân công và đảm bảo ổn định xã hội.

Gói kích cầu giúp chặn đà suy giảm, trực tiếp góp phần làm gia tăng các hoạt động đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội. Việc "tụt dốc" các chỉ tiêu kinh tế trong quý I và quý II đã được ngăn chặn phần nào nhờ gói kích cầu.

Bên cạnh những tác động tích cực của gói kích cầu, nhiều chuyên gia kinh tế cũng cảnh báo về những hậu quả có thể xảy ra nếu việc sử dụng gói kích cầu không được giám sát chặt chẽ.

Nếu Nhà nước không kiểm soát được hướng đi của các luồng tiền, giải ngân không đúng mục đích, sẽ làm thất thoát, lãng phí các nguồn vốn vay, gia tăng gánh nặng nợ nần và các hiện tượng “đầu cơ nóng” gây hệ quả xấu cho cả Chính phủ, doanh nghiệp, ngân hàng và xã hội nói chung. Sử dụng không hiệu quả các gói kích cầu cũng sẽ làm tổn hại đến sức cạnh tranh của nền kinh tế, nếu việc cho vay thiên về quy mô và thành tích sẽ không tạo ra được năng lực cạnh tranh thực.

11. <http://www.chinhphu.vn/>.

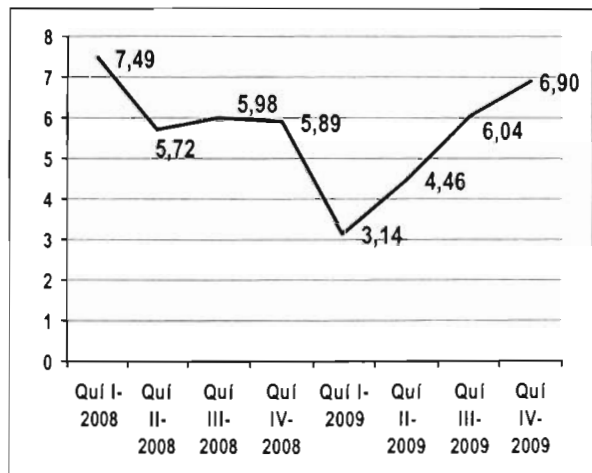
Nếu không tuân thủ tốt các nguyên tắc minh bạch và bình đẳng trong triển khai các gói kích cầu, thì sẽ làm gia tăng hoặc kéo dài tình trạng bất bình đẳng thị trường giữa các loại hình doanh nghiệp, giữa các khu vực kinh tế và các địa phương.

3. Nền kinh tế trong những tháng cuối năm 2009: dấu hiệu thoát khỏi khủng hoảng

Những nỗ lực ứng phó kịp thời của Chính phủ trong việc ngăn chặn suy giảm kinh tế đã làm xuất hiện những dấu hiệu tích cực của sự phục hồi vào nửa cuối năm 2009.

Tốc độ tăng trưởng GDP sau khi chạm đáy trong quý I (3,1%) đã tăng trở lại trong quý II (4,46%). GDP tiếp tục tăng cao hơn trong quý III (6,04%) và quý IV tăng thêm gần 1 điểm phần trăm (6,9%).

ĐỒ THỊ 1. Tốc độ tăng trưởng theo quý của năm 2008 và năm 2009, %



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Tính chung trong cả năm 2009, GDP tăng 5,32% vượt mức Quốc hội đề ra là 5%. Trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,52%, dịch vụ tăng 6,63%, nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,83%¹². Với tốc độ tăng trưởng 5,32% mục tiêu ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng hợp lý, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội của Việt Nam đã về đích kịp thời.

Năm 2009 Việt Nam là một trong 12 nước có GDP tăng trưởng dương trên thế giới và

là nước có GDP tăng trưởng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cao hơn Indônêxia (4%), Philippin (1%), Thái Lan (-3,5), Malaixia (-3,6%).

Trong bức tranh khởi sắc chung của nền kinh tế những tháng cuối năm, tăng trưởng của ngành công nghiệp cũng đóng góp một điểm sáng. Từ chỗ giảm sâu (-4,4%) trong tháng 1-2009, đến quý II-2009 công nghiệp đã tăng trưởng trở lại và trong những tháng cuối năm công nghiệp tăng đều khoảng 12 - 13%. Tháng 11-2009, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 64.411 tỷ đồng tăng 3,6% so với tháng 10-2009 và tăng 13% so cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2009, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 696.600 tỷ đồng. Trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 3,7 điểm phần trăm, khu vực ngoài quốc doanh tăng 9,9 điểm phần trăm và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 8,1 điểm phần trăm. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp trong cả năm 2009 tăng 7,6%¹³.

Một trong những yếu tố góp phần làm công nghiệp phục hồi nhanh là các doanh nghiệp trong nước đã vượt qua được thời kỳ sóng gió - nhờ chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn của Chính phủ và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước.

Việc gia tăng sức mua nội địa cũng góp phần làm cho quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam diễn ra nhanh hơn. Tính chung 12 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1197,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó, kinh doanh thương nghiệp đạt 939,6 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%; khách sạn nhà hàng 135 nghìn tỷ đồng, tăng 18,4%; dịch vụ 111,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20,3%; du lịch 11,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,9 điểm phần trăm.

12. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2009- Tổng cục Thống kê - <http://www.gso.gov.vn/>.

13. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 ..., đã dẫn.

Các ngành sản xuất trong nước có dấu hiệu phục hồi khi vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2009 theo giá thực tế đạt 704,2 nghìn tỷ đồng, tăng 15,3% so với năm 2008 và bằng 42,8% GDP. Phân theo các thành phần kinh tế: khu vực nhà nước tăng 40,5%; khu vực ngoài nhà nước tăng 13,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 5,8%.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu năm 2009 chỉ đạt 56,6 tỷ USD, giảm 9,7% so với năm 2008, nhưng năm 2009 Việt Nam vẫn xuất khẩu được 6 triệu tấn gạo, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Trong quý IV, kim ngạch xuất khẩu đã có sự gia tăng đáng kể, tăng 7,1% so cùng kỳ năm 2008. Trong đó kim ngạch tăng cao vào tháng 11 và tháng 12. Tháng 11 đạt gần 4,7 tỷ USD tăng 10,2%, tháng 12 đạt mức cao nhất trong năm với 5,25 tỷ USD, tăng 12,5% so với tháng 12-2008.

Do sự phục hồi của kinh tế thế giới chậm, nên trong 6 tháng cuối năm các dòng FDI không có sự cải thiện đáng kể nào. Tính chung trong cả năm FDI vẫn giảm sâu so với năm 2008 khi tính đến ngày 15-12-2009 chỉ thu hút được 21,5 tỷ USD, giảm 70% so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó: vốn đăng ký chỉ đạt 16,3 tỷ USD (giảm 46,1% về số dự án và giảm 75,4% về vốn); vốn đăng ký bổ sung của 215 dự án được cấp phép từ các năm trước đạt 5,1 tỷ USD, giảm 1,7%; vốn thực hiện năm 2009 đạt 10 tỷ USD, giảm 13% so với năm 2008¹⁴.

4. Kinh tế Việt Nam năm 2010: chưa hết những nỗi lo rủi ro vĩ mô

Triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2010 xét theo ngắn hạn đang có những dấu hiệu tích cực. Với độ mở cao của nền kinh tế, theo đà phục hồi của nền kinh tế thế giới, bức tranh toàn cảnh kinh tế Việt Nam sẽ sáng sủa hơn trong năm 2010.

Kinh tế thế giới phục hồi sẽ kéo theo sự phục hồi xuất khẩu và FDI của Việt Nam - hai động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế. Do vậy trong năm 2010 tăng GDP sẽ đạt được mức cao hơn trong năm 2009.

GDP tăng liên tục trong các tháng cuối năm 2008 và đầu năm 2009, cộng với giá trị sản xuất công nghiệp gia tăng trở lại, doanh số bán lẻ tăng trong những tháng cuối năm và đầu năm là những tín hiệu lạc quan về triển vọng của nền kinh tế trong năm 2010.

Tuy nhiên bước sang năm 2010, kinh tế Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với những rủi ro vĩ mô tiềm ẩn. Nguy cơ lạm phát quay trở lại, thâm hụt cán cân thương mại lớn, hệ số ICOR cao vẫn đang là những thách thức tồn tại của năm 2010. Có giải quyết được những vấn đề trên thì mới tạo ra được năng lực cạnh tranh thực trong nền kinh tế.

Mặc dù Chính phủ đã điều hành được chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình của cả năm 2009 xuống dưới 7%, nhưng vẫn chưa hết nỗi lo lạm phát có thể quay trở lại trong năm 2010. Sức ép lạm phát quay trở lại bắt nguồn từ các nguyên do sau:

Thứ nhất, trong năm 2009 tín dụng và cung tiền tăng nhanh và ở mức cao. Nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, trong khi đó tiền đồng giảm giá trong tháng 11-2009 cùng với sức ép tiếp tục giảm giá trong năm 2010 sẽ làm ảnh hưởng tới mặt bằng giá chung.

Thứ hai, việc Nhà nước thực hiện tăng lương tối thiểu cho các lao động làm việc tại doanh nghiệp từ tháng 1-2010 và tiếp theo là những người hưởng lương ngân sách cũng tăng từ tháng 5 sẽ tạo thêm sức ép cho mặt bằng giá chung, đẩy CPI tăng lên.

Thứ ba, hiện tại, giá xăng dầu, giá điện, giá than,... tăng cũng sẽ có những tác động lan tỏa, theo cấp số nhân lên giá của nhiều hàng hóa và dịch vụ khác.

Nếu xem xét cả một quá trình phát triển thì cơn sốt của lạm phát đã âm ỷ từ năm 2004 (9,7%) sau đó giảm một chút 8,8% trong năm 2005 và tiếp tục leo thang (12,63%) trong năm 2007 và phi mã với mức 22,97 % năm 2008.

14. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2009 ..., đã dẫn.

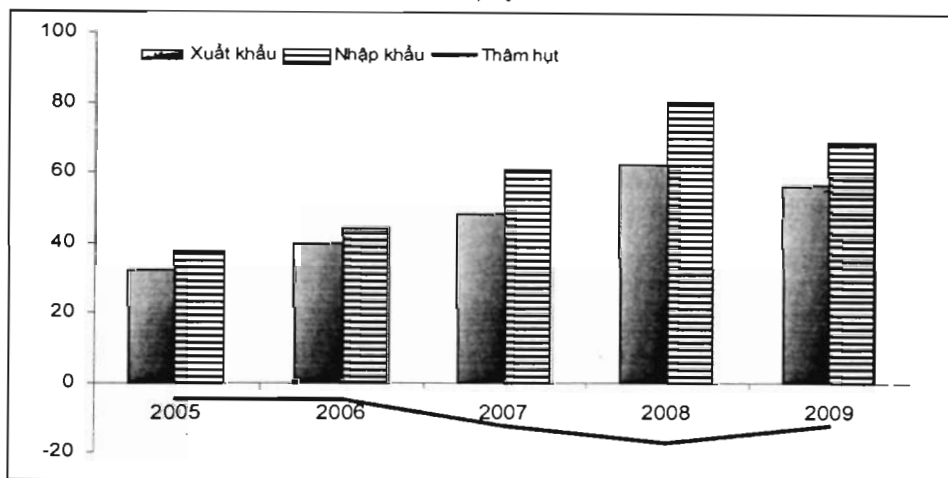
Ở các nước phát triển, chỉ số CPI tăng từ 2,2% năm 2006 lên 3,5% năm 2007. Còn tại các nền kinh tế mới nổi ở Châu Á, lạm phát tăng từ 2,2% lên 4,8% trong cùng thời kỳ. Mức lạm phát của Việt Nam so với các nước này đều cao hơn mặt bằng chung, vì vậy bước sang năm 2010, Chính phủ cần phải nỗ lực rất nhiều thì mới có thể đạt được mục tiêu Quốc hội đề ra là giữ lạm phát dưới 7%.

Nỗi lo lạm phát quay lại cộng với việc thâm hụt cao của cán cân thương mại đã tạo ra sức ép cho việc ổn định kinh tế vĩ mô.

Thâm hụt thương mại của Việt Nam gia tăng từ cuối năm 2007 với mức nhập siêu là

14 tỷ USD, tăng gấp ba lần so với năm 2006 (4,8 tỷ USD). Đến năm 2008 nhập siêu tiếp tục tăng với mức thâm hụt là 18 tỷ USD, tăng 26,8% so với năm 2007.¹⁵ Thâm hụt thương mại tiếp tục nới rộng ra trong những tháng cuối năm 2009 với tỷ lệ tăng 1,5 tỷ USD mỗi tháng, khiến cho trị giá nhập khẩu lên tới 68,8 tỷ USD trong khi đó xuất khẩu chỉ đạt 56,6 tỷ USD.¹⁶ Sự mất cân đối của cán cân thương mại khiến cho tổng thâm hụt năm 2009 lên tới 12,2 tỷ USD. Tỷ lệ thâm hụt thương mại tăng cao khiến cho nhiều chuyên gia kinh tế lo lắng về vị thế thanh toán quốc tế của Việt Nam và sức ép về việc giảm giá đồng nội tệ.

ĐỒ THỊ 2. Xuất khẩu, nhập khẩu, cán cân thương mại của Việt Nam giai đoạn 2005-2009, tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Tình trạng tăng trưởng kinh tế ngày một tổn vốn đầu tư hơn cũng đang là một trong những rủi ro vĩ mô tiềm ẩn. Tỷ lệ vốn tăng thêm trên sản lượng (ICOR) ở Việt Nam tăng cao qua các năm. Năm 2001 là 5,13, đến năm 2007 tăng lên 5,38 và 2008 là 6,92. Năm 2009 chỉ số ICOR lại tăng cao ở mức mới. Theo tính toán của Ủy ban Tài chính và ngân sách của Quốc hội, hệ số ICOR năm 2009 của Việt Nam đã lên tới 8, mức cao nhất từ trước tới nay.

Nếu so sánh với các nước trong khu vực, hệ số ICOR của Việt Nam ở mức cao. Tính chung trong thời kỳ 1991- 2008, ICOR

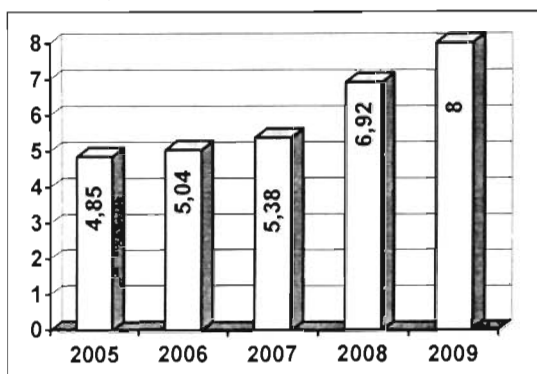
của Việt Nam là 5, thì Đài Loan thời kỳ 1961- 1980 là 2,7, Hàn Quốc thời kỳ 1961-1980 là 3, Thái Lan thời kỳ 1981-1985 là 4,1 và Trung Quốc thời kỳ 2001- 2006 là 4¹⁷. Hệ số ICOR của Việt Nam cao hơn các nước, điều này chứng tỏ rằng đầu tư của Việt Nam thiếu hiệu quả, năng suất rất thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế yếu.

15. CIEM (2009, tr 28).

16. Tổng Cục thống kê ..., đã dẫn.

17. Phạm Thị Thu Hương- Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam nhìn từ góc độ hiệu quả tăng trưởng- Kinh tế và Dự báo số 22 năm 2009, tr 16.

ĐỒ THỊ 3. Hệ số ICOR của nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2005-2009



Việc hệ số ICOR theo đà đi lên cũng là một trong những cảnh báo để xem xét lại chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Có nên đạt mục tiêu tăng trưởng bằng mọi giá hay không? Những theo đuổi tăng trưởng về lượng mà chưa chú ý nhiều đến chất sẽ làm cho những thành tích ảo tồn tại không lâu dài. Tăng trưởng theo chiều rộng khiến cho những cân đối vĩ mô ngày càng nới rộng khoảng cách, thâm hụt ngân sách cao, thâm hụt cán cân thanh toán lớn, áp lực tăng trưởng ngày càng đè nặng lên vốn đầu tư.

Những nguồn lực của đất nước bị sử dụng một cách tràn lan và lãng phí do đầu tư phân tán vốn bỏ vào nhiều dự án trong cùng một thời gian. Các nguồn lực đầu tư không được tập trung để lan tỏa, mà bị dàn trải trên nhiều vùng, nhiều ngành khác nhau. Việc chạy theo thành tích của nhiều địa phương khiến cho đầu tư rơi vào tình trạng 3 không: không đồng bộ, không quy hoạch và không kế hoạch. Rất nhiều công trình đầu tư đã bị bỏ dở giữa chừng, nhiều công trình hoàn thành mà không đưa vào sử dụng được trong thực tế.

Năm 2009 đã qua đi, bước sang những tháng đầu năm 2010 có rất nhiều hy vọng về những khoảng sáng của bức tranh toàn cảnh kinh tế Việt Nam. Năm 2010 là năm kết thúc của kế hoạch 5 năm (2006-2010), liệu kinh tế Việt Nam có được những bứt phá để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng trung bình trong 5 năm từ 7,5% - 8% như Nghị quyết số 56/2006/QH 11 đã đặt ra? Bứt phá để hoàn thành mục tiêu nhưng vẫn phải đảm bảo ổn định vĩ mô là hai thách thức lớn đòi hỏi Việt

Nam phải nỗ lực vượt qua trong năm 2010. Về ngắn hạn, nền kinh tế giải quyết ngay 3 vấn đề nổi cộm: ngăn chặn lạm phát quay trở lại bằng việc thực thi chính sách tiền tệ cẩn trọng và chính sách tài khóa để giảm bớt sự tăng cao của tín dụng và cung tiền. Điều chỉnh chính sách tỷ giá giữa đồng USD và đồng nội tệ. Kiểm chế nhập siêu bằng cách đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa, tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu mới như: Trung Đông, Châu Phi, Mỹ Latinh. Để cho hệ số ICOR hạ nhiệt, cần mạnh tay cắt giảm những công trình đầu tư không hiệu quả, xóa bỏ cơ chế phân cấp đầu tư cho địa phương quản lý. Xây dựng lại quy chế thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Trong đó cần quy định những chế tài xử phạt nghiêm minh đối với những dự án lựa chọn dễ dãi và thực hiện tùy tiện.

Về trung hạn và dài hạn, để nền kinh tế ổn định thật sự và phát triển bền vững, cần phải thay đổi mô hình tăng trưởng theo chiều rộng dựa vào lợi thế khai thác tài nguyên và nguồn lao động giá rẻ. Cấu trúc lại nền kinh tế theo hướng xanh hóa nền kinh tế, tập trung đầu tư cho những ngành công nghệ mới, chuyển dịch sang các ngành kinh tế có hàm lượng tri thức và giá trị gia tăng cao hơn, mạnh dạn xóa bỏ những ngành nghề không còn sức cạnh tranh quốc tế hoặc không có lợi cho phát triển bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2008, các giải pháp chủ yếu trong 6 tháng cuối năm - Số 4652/BC-BKH- trang Web của Chính phủ [<http://www.chinhphu.vn>].
2. Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản pháp luật - [http://vbqpl.moj.gov.vn/law/vi/2001_to_2010/].
3. Cổng thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - [<http://www.na.gov.vn/>].
4. CIEM (2009), Kinh tế Việt Nam 2008, Nxb Tài chính, Hà Nội.
5. Nghị quyết số 02/NQ-CP về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2009, Báo điện tử Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - <http://baodientu.chinhphu.vn/>.
6. Phạm Thị Thu Hương-Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam nhìn từ góc độ hiệu quả tăng trưởng- Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 22 năm 2009.
7. Thời báo kinh tế Sài Gòn Online.